TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y **TỈNH B**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2022/HS-ST
Ngày 20-5-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tin.

Bà Lê Thị Hòa

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Nhẫn, Thư ký Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2022 tại Điểm cầu trung tâm Tòa án nhân dân tỉnh B; Điểm cầu thành phần Trại tạm giam Công an tỉnh B**.**

Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh B xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số 29/2022/HSST ngày 25 tháng 4 năm 2022 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2022/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 5 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Hoàng Tuấn Đ**, sinh năm 2002 tại huyện Y, tỉnh B; nơi cư trú: Thôn D, xã C, huyện Y, tỉnh B, nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Hữu A và bà Chu Thị H; Vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/02/2022 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B.

Có mặt tại điểm cầu thành phần Trại tạm giam Công an tỉnh B

- Bị hại:

1. Anh Hoàng T, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn Đ, xã C, huyện Y, tỉnh B.(vắng mặt)

2. Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 2002; địa chỉ: Thôn P, xã Đ, thành phố B, tỉnh B.(vắng mặt)

3. Ông Vũ Văn Đ, sinh năm 1966; địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện Y, tỉnh B. (vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Trung T, sinh năm 1968; địa chỉ: Tổ dân phố M, thị trấn N, huyện Y, tỉnh B. (vắng mặt)

2. Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ dân phố 3, thị trấn N, huyện Y, tỉnh B. (vắng mặt)

3. Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1991; địa chỉ: Tổ dân phố M, thị trấn N, huyện Y, tỉnh B. (vắng mặt)

4. Anh Hoàng Hữu A, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn D, xã C, huyện Y, tỉnh B. (có mặt tại Điểm cầu trung tâm Tòa án nhân dân tỉnh B).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo T liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hoàng Tuấn Đ, sinh năm 2002, ở thôn D, xã C, huyện Y, tỉnh B là đối tượng nghiện ma tuý, không có việc làm và thu nhập ổn định. Do không có tiền để chi dùng cá nhân, Đ đã nảy sinh ý định đi trộm cắp T sản, lừa đảo chiếm đoạt T sản đem cầm cắm, bán lấy tiền. Trong khoảng thời gian từ tháng 12/2021 đến tháng 02/2022, Đ đã thực hiện 02 vụ "Lừa đảo chiếm đoạt T sản"; 01 vụ "Trộm cắp T sản", T sản chiếm đoạt được 03 chiếc xe môtô của 03 hộ gia đình đem cầm cắm, bán lấy tiền. Cụ thể:

Hành vi lừa đảo chiếm đoạt T sản:

**** Vụ thứ nhất:***

Do có mối quan hệ quen biết thông qua các mối quan hệ xã hội từ trước với anh Hoàng T, sinh năm 1997, ở thôn Đ, xã C, huyện Y, tỉnh B và biết anh T có chiếc xe mô tô, nên khoảng 12 giờ ngày 30/12/2021, Đ gọi điện cho anh T nói dối là nhờ anh T đi xe mô tô đến nhà Đ chở Đ đi đến thị trấn N, huyện Y, tỉnh B để lấy tiền, thì anh T đồng ý. Khoảng 20 phút sau, anh T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 98C1-168.04 là xe mô tô của anh T đến nhà Đ rồi chở Đ đi lên Thị Trấn N, khi đi đến khu vực Trung tâm văn hoá huyện Y, tỉnh B thuộc Tổ dân phố 1, thị trấn N, huyện Y, tỉnh B thì Đ bảo anh T đỗ xe lại, Đ nói dối cho Đ mượn xe để đi vào nhà người quen lấy tiền và bảo anh T đứng đợi Đ sẽ quay lại trả xe ngay, do tin tưởng, nên anh T đồng ý và giao xe cho Đ. Lấy được xe, Đ điều khiển xe đi thẳng đến nhà nghỉ Á, ở Tổ dân phố M, thị trấn N, huyện Y, tỉnh B nói dối là xe của Đ rồi cầm cố cho ông Nguyễn Trung T, sinh năm 1968 (là chủ nhà nghỉ) được số tiền 11.000.000đ. Toàn bộ số tiền Đ đã tiêu sài cá nhân hết.

Đối với anh T, sau khi cho mượn xe nhưng không thấy Đ quay lại trả, điện thoại nhưng Đ không nghe máy, qua tìm hiểu thì anh T biết Đ đã đem xe đi cắm

tại nhà ông Trường, nên anh T đã đến chuộc xe và nộp về cơ quan pháp luật đề nghị giải quyết.

Tại bản kết luận định giá T sản số 18 ngày 14/03/2022, của Hội đồng định giá T sản trong tố tụng hình sự huyện Y kết luận: giá trị chiếc xe mô tô Đ chiếm đoạt của anh T là 29.901.000 đồng.

Đối với ông Nguyễn Trung T là người đã nhận cầm cắm chiếc xe mô tô do Đ phạm tội mà có đem đến cắm. Tuy nhiên, khi nhận cầm cắm, ông T không biết đó là T sản do Đ phạm tội mà có, nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Ngày 15/03/2022, Cơ quan điều tra đã trả lại anh T chiếc xe mô tô do Đ chiếm đoạt. Anh T nhận lại xe và yêu cầu Đ bồi thường 11.000.000 đồng, hiện Đ chưa bồi thường.

**** Vụ thứ hai:***

Hoàng Tuấn Đ và anh Nguyễn Văn C, sinh năm 2000, ở thôn P, xã Đ, thành phố B, tỉnh B có mối quan hệ quen biết nhau từ trước. Biết anh C có xe mô tô, nên khoảng 13 giờ ngày 19/01/2022, Đ gọi điện thoại và bảo cho anh C đến cây xăng C, huyện Y, tỉnh B đón chở Đ đi giải quyết công việc cá nhân, thì anh C đồng ý. Sau khi nhận được điện thoại của Đ, anh C điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 98B2 - 026.02 là xe mô tô của C đi xuống cây xăng C thì gặp Đ đang đứng chờ. Anh C giao xe cho Đ điều khiển, anh C ngồi sau để đi về nhà Đ. Khi đi đến khu vực nhà văn hóa thôn T, xã C, huyện Y, tỉnh B, thì Đ dừng xe nói dối anh C là cho mượn xe để đi chở đồ cho bố, tin tưởng Đ nói thật, nên anh C đồng ý. Lấy được xe, Đ điều khiển xe đi thẳng đến cửa hàng mua bán xe máy Thắng Hải ở Tổ dân phố 3, thị trấn N, huyện Y, tỉnh B, nói dối là xe của Đ rồi bán cho anh Hoàng Văn T, sinh năm 1983 (là chủ của hàng) được 8.000.000 đồng, khi anh T hỏi giấy tờ xe thì Đ nói dối là để ở nhà nên anh T chỉ đưa cho Đ 6.000.000đ và hẹn Đ lấy giấy tờ xe đến thì trả nốt, nhưng Đ không quay lại. Toàn bộ số tiền bán xe, Đ dùng chi tiêu cá nhân hết.

Đối với anh C, sau khi cho Đ mượn xe nhưng không thấy Đ quay lại trả, nên đã điện thoại tìm nhưng Đ tắt máy, qua tìm hiểu thì anh C biết được chiếc xe của anh C cho Đ mượn, đã bị Đ đem đi bán, nên anh C đã làm đơn trình báo .

Ngày 14/02/2022, Cơ quan điều tra Công an huyện Y thu giữ tại cửa hàng mua bán xe máy của anh Hoàng Văn T tại tổ dân phố 3, thị trấn N, huyện Y, tỉnh B chiếc xe mô tô Đ chiếm đoạt của anh C và giấy bán xe do Đ viết.

Tại bản kết luận định giá T sản số 14 ngày 21/02/2022, của Hội đồng định giá T sản trong tố tụng hình sự huyện Y kết luận: giá trị chiếc xe mô tô Đ chiếm đoạt của anh C là 17.836.000 đồng.

Ngày 06/4/2022, Cơ quan điều tra đã trả lại anh C chiếc xe mô tô Đ chiếm đoạt. Anh C nhận lại xe và không có yêu cầu bồi thường gì.

Đối với anh Hoàng Văn T là người đã mua chiếc xe do Đ đem đến bán, nhưng anh T không biết đó là T sản do Đ phạm tội mà có, nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Hoàng Hữu A, bố của Đ đã trả cho anh T 6.000.000đồng, anh T đã nhận đủ không có yêu cầu gì khác.

Hành vi trộm cắp tài sản

Do không có tiền chi dùng cá nhân, nên Đ nảy sinh ý định đi tìm xem nhà nào để T sản sơ hở thì vào trộm cắp. Chiều ngày 12/02/2022, Đ từ nhà đi bộ ra khu vực thôn N, xã C. Khi đến khu vực nhà ông Vũ Văn Đ, sinh năm 1966, ở thôn N, xã C, huyện Y, tỉnh B, Đ phát hiện thấy có 01 chiếc xe mô tô đang dựng ở trong sân nhà ông Đ, chìa khoá vẫn cắm ở ổ khoá. Đó là xe mô tô biển kiểm soát 98Y4-4224 của gia đình ông Đ. Quan sát thấy không có người trông coi, nên Đ đi vào trong trộm cắp đem ra ngoài nổ máy, đi thẳng đến tổ dân phố M, thị trấn N, huyện Y, tỉnh B nói dối là xe của Đ rồi cắm cho anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1991 được 3.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền này, Đ đã chi tiêu cá nhân hết.

Đối với ông Đ, sau khi phát hiện xe mô tô dựng ở sân bị mất trộm, nên đã làm đơn trình báo.

Ngày 14/02/2022, biết hành vi phạm tội của mình bị phát hiện, Đ đến cơ quan điều tra đầu thú.

Cùng ngày 14/02/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y đã thu giữ tại nhà anh Nguyễn Văn C ở tổ dân phố M, thị trấn Nn, huyện Yê chiếc xe mô tô do Đ trộm cắp của anh Đ.

Tại bản kết luận định giá T sản số 15 ngày 15/02/2022, của Hội đồng định giá T sản trong tố tụng hình sự huyện Y kết luận: giá trị chiếc xe mô tô Đ trộm cắp của ông Đ là 9.584.000 đồng;

Ngày 25/02/2022, Cơ quan điều tra đã trả lại ông Đ chiếc xe mô tô Đ trộm cắp. Ông Đ nhận lại xe và không có yêu cầu bồi thường gì.

Đối với anh Nguyễn Văn C là người đã nhận cầm cắm xe cho Đ nhưng khi cầm cắm, anh C không biết đó là T sản do Đ phạm tội mà có, nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý. Ông Hoàng Hữu A là bố đẻ Đ đã trả cho anh C3.000.000 đồng, anh C đã nhận đủ không yêu cầu gì khác.

Tại cơ quan điều tra Hoàng Tuấn Đ đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại Bản Cáo trạng số 28/CT -VKSYD ngày 25 tháng 4 năm 2022 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh B truy tố bị cáo Hoàng Tuấn Đ về tội "Lừa đảo chiếm đoạt T sản", quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự và tội "Trộm cắp T sản", quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Đ khai nhận nội dung diễn biến sự việc như bản Cáo trạng nêu là đúng, Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội danh, điều, khoản trên là đúng, không oan. Bị cáo nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử cho hưởng mức hình phạt nhẹ nhất.

Ông Hoàng Hữu A xuất trình 01 biên bản thỏa thuận giữa ông và người bị hại anh Hoàng T và 01 đơn xin miễn giảm trách nhiệm hình sự của anh Hoàng T có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã C, huyện Y. Theo T liệu ông A xuất trình thì ông A đã bồi thường số tiền 11.000.000 đồng cho anh T rồi, nay anh T không đề nghị gì về vấn đề bồi thường nữa, còn đối với hình phạt thì anh T đề nghị Tòa án xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Đ.

Ông A khai: Ông đã hoàn trả đủ số tiền 6000.000 đồng cho anh T, và 3000.000 đồng cho anh C và bồi thường cho anh T số tiền 11.000.000 đồng. Đây là tiền của ông, bị cáo Đ có tác động gia đình hoàn trả và bồi thường cho những người trên. Nay, ông không yêu cầu Đ phải trả lại cho ông số tiền trên vì Đ là con trai của ông. Ông đề nghị Hội đồng xem xét giảm nhẹ hình phạt cho Đ để Đ sửa chữa, làm lại cuộc đời.

Hội đồng xét xử công bố lời khai của những người tham gia tố tụng được triệu tập nhưng vắng mặt tại phiên tòa, bị cáo, ông A không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y sau khi phân tích, đánh giá các tình tiết, chứng cứ của vụ án vẫn giữ nguyên quyết định như đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 174, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 55 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Hoàng Tuấn Đ từ 02 năm 03 tháng tù đến 02 năm 09 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt T sản".

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 55 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Hoàng Tuấn Đ từ 07 tháng tù đến 09 tháng tù về tội "Trộm cắp T sản".

Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho 02 tội từ 02 năm 10 tháng tù đến 03 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo tạm giữ, tạm giam 14/02/2022.

Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Y, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị

hại, người liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa hôm nay, người bị hại là anh Hoàng T, anh Nguyễn Văn C, anh Vũ Văn Đ; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Trung T, Hoàng Văn T, Nguyễn Văn C vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự xét xử vắng mặt họ.

[2]. Về tội danh:

Tại phiên toà, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như bản cáo trạng đã truy tố; lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với thời gian, địa điểm xảy ra tội phạm. Có đủ cơ sở kết luận: Trong các ngày 30/12/2021; 19/01/2022 và ngày 12/02/2022, tại khu vực thị Trấn N và xã C, huyện Y. Hoàng Tuấn Đ đã có hành vi lừa đảo chiếm đoạt 02 xe mô tô của anh Hoàng T, sinh năm 1997, ở thôn Đ, xã C, huyện Y, tỉnh B và của anh Nguyễn Văn C, sinh năm 2000, ở thôn P, xã Đ, thành phố B, tỉnh B và thực hiện 01 vụ Trộm cắp 01 chiếc xe mô tô của ông Vũ Văn Đ, sinh năm 1966, ở thôn N, xã C, huyện Y, tỉnh B sau đó đem đi cắm, bán lấy tiền chi dùng cá nhân.

Tổng giá trị T sản Đ lừa đảo chiếm đoạt được là 47.737.000 đồng. Giá trị T sản Đ trộm cắp được là 9.854.000 đồng.

Như vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận: Bị cáo Hoàng Tuấn Đ phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt T sản", quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự và tội "Trộm cắp T sản", quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Cáo trạng số 28/CT-VKSYD ngày 25 tháng 4 năm 2022 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh B truy tố đối với Hoàng Tuấn Đ là đúng người, đúng tội.

Đối với ông Nguyễn Trung T là người đã nhận cầm cắm chiếc xe mô tô do Đ phạm tội mà có đem đến cắm. Tuy nhiên, khi nhận cầm cắm, ông T không biết đó là T sản do Đ phạm tội mà có, nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với anh Hoàng Văn T là người đã mua chiếc xe do Đ đem đến bán, nhưng anh T không biết đó là T sản do Đ phạm tội mà có, nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý. Ông Hoàng Hữu A là bố đẻ Đ đã trả cho anh T 6.000.000 đồng, anh T đã nhận đủ không yêu cầu gì khác

Đối với anh Nguyễn Văn C là người đã nhận cầm cắm xe cho Đ nhưng khi cầm cắm, anh Chi không biết đó là T sản do Đ phạm tội mà có, nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý. Ông Hoàng Hữu A là bố đẻ Đ đã trả cho anh C 3.000.000 đồng, anh C đã nhận đủ không yêu cầu gì khác.

[3]. Xét về tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm vào quyền sở hữu đối với T sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây tâm lý hoang mang cho người dân. Bị cáo Đ chỉ vì lười lao động thích hưởng thụ, bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt T sản của anh Hoàng T và anh Nguyễn Văn C với tổng số tiền là 47.737.000 đồng. Ngoài ra, bị cáo đã lợi dụng sơ hở của ông Vũ Văn Đ lén lút thực hiện hành vi trộm cắp T sản có giá trị 9.854.000 đồng. Bị cáo nhận thức được hành vi lừa đảo chiếm đoạt T sản và hành vi trộm cắp T sản là trái pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội nêu trên, thể hiện sự coi thường pháp luật. Do vậy, cần phải xử nghiêm bị cáo bằng pháp luật hình sự mới đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung đối với loại tội này.

[4]. Xét về nhân thân bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì thấy:

- Về nhân thân: Bị cáo Hoàng Tuấn Đ có nhân thân tốt.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Đối với tội Lừa đảo chiếm đoạt T sản, bị cáo phạm tội 02 lần nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Đối với tội trộm cắp T sản, bị cáo không phải chịu tình tiết tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Đối với tội Lừa đảo chiếm đoạt T sản, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đầu thú, bị cáo tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho bị hại nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự

Đối với tội trộm cắp T sản, bị cáo bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đầu thú nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5]. Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của bị cáo, trên cơ sở xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử nhận định: Cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục, răn đe đối với bị cáo nói riêng và phòng ngừa chung đối với xã hội.

[6]. Về hình phạt bổ sung:

Bị cáo không có việc làm ổn định, không có thu nhập và T sản gì, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7]. Về trách nhiệm dân sự:

Ngày 15/03/2022, Cơ quan điều tra đã trả lại anh T chiếc xe mô tô do Đ chiếm đoạt. Anh T nhận lại xe và yêu cầu Đ bồi thường 11.000.000 đồng. Tại phiên tòa ông Ánh là bố bị cáo Đ đã xuất trình T liệu, chứng cứ về việc ông Ánh đã bồi thường đủ số tiền 11.000.000 đồng mà anh T yêu cầu Đ bồi thường và anh T không có yêu cầu gì về bồi thường nữa nên hội đồng không xem xét giải quyết.

[9]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10]. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự, để Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 174, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 55 Bộ luật Hình sự; Điều 331, Điều 333; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử phạt: Bị cáo Hoàng Tuấn Đ 02 năm 04 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt T sản". Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 14/2/2022.

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38, Điều 55 Bộ luật Hình sự; Điều 331, Điều 333; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử phạt: Bị cáo Hoàng Tuấn Đ 08 tháng tù về tội "Trộm cắp T sản". Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 14/2/2022.

Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho 02 tội là 03 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 14/02/2022

3. Về án phí: Bị cáo Hoàng Tuấn Đ phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống Đ bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Y;
- VKSND tỉnh B;
- Công an huyện Y;
- TAND tỉnh B;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Bị cáo;
-Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Thị Anh